

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/HSST
Ngày: 09/07/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: Lò Xuân Hải.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Xuân Định.

Bà: Lý Thị The.

- Thư ký phiên tòa, bà: Dương Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2024/TL-ST-HS, ngày 04 tháng 06 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 06 năm 2024, đối với bị cáo.

- Sùng A T: Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/07/2002, tại huyện Mường T, tỉnh Lai C; nơi ĐKKHKT: Bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn: Không; Con ông Sùng A D, sinh năm 1970 và con bà Giàng Thị C, sinh năm 1970; vợ Giàng Thị S, sinh năm 2002; con, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân chưa bị xử lý; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C từ ngày 26/12/2023 cho đến nay - Có mặt.

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại, ông: Lý Gò X, sinh năm 1984 - Nghề nghiệp: Cán bộ - Chức vụ và nơi công tác: Phó chủ tịch - Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C - Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Bản Xi N, xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C - Có mặt.

- Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông: Sỉ Á L, sinh năm 1996 - Chức vụ: Trưởng bản Phìn K, là đại diện cộng đồng bản Phìn K, xã Mù C - Địa chỉ: Bản Phìn K, xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C - Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông: Long Văn E, sinh năm 1984 - Nghề nghiệp: Cán bộ Kiểm lâm - Nơi công tác và nơi làm việc: Hạt kiểm lâm huyện Mường T - Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C - Có mặt.

+ Ông: Giàng A L, sinh năm 1989 - Nghề nghiệp: Trồng trọt - Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Bản Tà T, xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong tháng 02 năm 2023. Sùng A T một mình mang theo một con dao quắm và một cưa máy đi từ nhà ở bản Tà T, xã Tà T đến khu vực rừng thuộc khu vực Nậm Kha A, xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C để chặt phá rừng làm nương. Khi đi đến khu vực rừng phòng hộ tại lô 13, khoảnh 2, tiểu khu 108 thuộc địa phận xã Mù C. T dừng lại và dùng dao quắm phát cây cỏ, cây dây leo và các cây gỗ có đường kính nhỏ, còn những cây to, T dùng cưa máy đốn hạ toàn bộ trong thời gian 06 ngày thì T đã chặt phá toàn bộ cây trên diện tích 5.250m² rừng phòng hộ. Sau đó T đi về nhà để chờ khi nào cây cỏ, cây dây leo và các cây gỗ bị đốn hạ khô sẽ quay lại đốt để trồng lúa nương. Ngày 23/03/2023, tổ công tác của Trạm kiểm lâm xã Mù C và Ủy ban nhân dân xã Mù C tiến hành tuần tra, kiểm soát rừng tại khu vực Nậm Kha A, xã Mù C thì phát hiện 5.250m² rừng phòng hộ tại lô 13, khoảnh 2, tiểu khu 108 bị chặt phá nhưng chưa bị đốt cháy nên đã báo cáo với Hạt kiểm lâm và Ủy ban nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C. Qua rà soát, xác minh, Hạt kiểm lâm huyện Mường T, tỉnh Lai C đã mời Sùng A T đến làm việc và Sùng A T đã thừa nhận toàn bộ hành vi chặt, phá rừng trái phép mà bản thân đã thực hiện như đã nêu trên.

Tại kết luận giám định số: 03/KLGD-NCLS, ngày 10/11/2023 của Viện nghiên cứu lâm sinh Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, kết luận: Diện tích rừng mà Sùng A T đã chặt, phá trái phép là 5.250m². Vị trí: Lô 13, khoảnh 2, tiểu khu 108 thuộc xã Mù C, huyện Mường T. Khu vực giám định được xác định là rừng. Trạng thái rừng: Rừng hỗn giao tre, nứa, gỗ tự nhiên núi đất (ký hiệu HG2). Nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên, theo chức năng: Rừng phòng hộ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐGTS, ngày 24/11/2023 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện Mường T, kết luận: 5.250m² rừng phòng hộ mà Sùng A T hủy hoại trị giá 235.299.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định được: Chủ rừng đối với số diện tích rừng bị Sùng A T chặt, phá, hủy hoại là Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C. Hợp đồng giao khoán cho cộng đồng dân cư bản Phìn K, xã Mù C bảo vệ để hưởng dịch vụ môi trường rừng.

Quá trình điều tra đã xác định được: Sùng A T không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép chặt, phá đối với diện tích rừng nêu trên. Còn chiếc cưa máy là do T mượn của Giàng A L trú cùng bản Tà T Tổng với Sùng A T.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKS-MT ngày 03 tháng 06 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T, truy tố Sùng A T về tội "*Hủy hoại rừng*", tại

phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý:

- *Trách nhiệm hình sự*: Đối với Sùng A T về tội danh "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt chính*: Áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng A T, từ: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, về tội "*Hủy hoại rừng*".

- *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, do điều kiện kinh tế của bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+. Đối với: 01 con dao quắm dài 70cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 35cm, rộng 05cm, cán dao làm bằng gỗ dài 35cm. Đây là công cụ mà Sùng A T dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị và không còn sử dụng được. Cần tịch thu tiêu hủy.

+. Đối với: 01 cửa máy mà Sùng A T mượn của Giàng A L, dùng để đốn hạ những cây gỗ to, đây là vật chứng của một vụ án khác, đã bị cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án khác, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

+. Đối với 18,340m³ gỗ; 9,350m³ củi tận thu và 1.817 cây tre, nứa, thuộc loại thực vật rừng (*bao gồm hỗn giao tre, nứa và cây gỗ tự nhiên*) thu giữa, do Sùng A T chặt, phá. Trong quá trình điều tra đã xác định được Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C là chủ sở hữu, sau khi khám nghiệm hiện trường vào ngày 26/07/2023, do địa hình rừng núi, giao thông đi lại khó khăn, không vận chuyển được, nên cùng ngày 26/07/2023, Hạt kiểm lâm huyện Mường T đã tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T để bảo quản, quản lý vật chứng. Đến ngày 10/11/2023 thì có kết luận giám định số 03/KL-GĐ-NCLS của Viện nghiên cứu lâm sinh Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam. Việc xử lý số vật chứng như trên thuộc cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, nên không đề cập xử lý.

- *Về phần dân sự*: Trong quá trình điều tra, truy tố. Người đại diện theo pháp luật của bị hại và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Không yêu cầu bị cáo Sùng A T bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập xử lý.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo pháp luật của bị hại, ông: Lý Gò X. Trình bày: Qua kiểm tra tại vị trí rừng do bị cáo Sùng A T hủy hoại thuộc lô 13, khoảnh 2, tiểu khu 108 thuộc địa phận xã Mù C. Là thực vật rừng gồm cây cỏ, cây dây leo, các cây gỗ có đường kính nhỏ và những cây to, trên diện tích 5.250m² là rừng phòng hộ. Khi bị phát hiện thì Sùng A T đã chủ động, tích cực phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã Mù C trong việc khắc phục hậu quả. Hiện tại

trên diện tích thực vật rừng bao gồm cây thân gỗ đã phục hồi. Do bản thân Sùng A T và gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên Ủy ban nhân dân xã Mù C không yêu cầu bị cáo Sùng A T phải bồi thường thiệt hại về giá trị rừng bị hủy hoại. Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị hại, ông Lý Gò X đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo Sùng A T.

Trong quá trình điều tra, truy tố, ông Sĩ Á L trưởng bản Phìn K đại diện bị hại (*đại diện cộng đồng bản Phìn K, xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C*). Không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì liên quan đến diện tích rừng bị hủy hoại và cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường sinh thái do hành vi hủy hoại rừng của bị cáo Sùng A T gây ra.

Tại phiên tòa hôm nay: Người làm chứng ông Long Văn E trình bày lời khai của ông có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn khách quan, đúng sự thật của vụ án, ngoài ra ông không có ý kiến trình bày gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa việc bị cáo khai báo là hoàn toàn tự nguyện, không bị mớm cung, ép cung, bị cáo không khiếu nại gì về quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Sau khi tranh luận Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên mức hình phạt chính như đã đề nghị. Lời nói sau cùng bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập có trong hồ sơ vụ án như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có đất để trồng lúa nương, khoảng tháng 02 năm 2023, tại lô 13, khoảnh 2, tiểu khu 108 thuộc địa phận xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C. Sùng A T đã dùng dao quắm, cưa máy chặt phá trái phép diện tích 5.250m² rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C là chủ sở hữu và quản lý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Hủy hoại rừng*", vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T đã truy tố bị cáo Sùng A T về tội "*Hủy hoại rừng*" theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Bị cáo không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng pháp, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của bị cáo Sùng A T gây ra đã xâm phạm đến chính sách quản lý và bảo vệ rừng, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng tới trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo hiểu được điều đó nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội và gia đình. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử

cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Bị cáo Sùng A T luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần được xem xét áp dụng cho bị cáo. Nhận thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông), nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 03 con còn nhỏ, sinh sống ở xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C là huyện biên giới có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đây là tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét áp dụng cho bị cáo.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Sùng A T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về nhân thân bị cáo Sùng A T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, từ nhỏ được bố mẹ nuôi cho ăn học hết lớp 09/12, lớn lên ở nhà tham gia lao động sản xuất tại địa phương, nhận thức pháp luật hạn chế. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình gây ra là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có đất để trồng lúa nương của bản thân nên đã phạm tội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 triệu đồng, xét thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông), nghề nghiệp trồng trọt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ba con còn nhỏ, sinh sống ở xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự.

[7]. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.1]. Đối với: 01 con dao quắm dài 70cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 35cm, rộng 05cm, cán dao làm bằng gỗ dài 35cm. Đây là công cụ mà Sùng A T dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị, không còn sử dụng được. Cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7.2]. Đối với: 01 cửa máy mà Sùng A T mượn của Giàng A L, dùng để đốn hạ những cây gỗ to, đây là vật chứng của một vụ án khác, đã bị cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án khác, nên không đề cập xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7.3]. Đối với 18,340m³ gỗ; 9,350m³ củi tận thu và 1.817 cây tre, nứa, thuộc loại thực vật rừng (*bao gồm hỗn giao tre, nứa và cây gỗ tự nhiên*) thu giữa, do Sùng A T chặt, phá. Trong quá trình điều tra đã xác định được Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C là chủ sở hữu, sau khi khám nghiệm hiện trường vào ngày 26/07/2023, do địa hình rừng núi, giao thông đi lại khó khăn, không vận chuyển được, nên cùng ngày 26/07/2023, Hạt kiểm lâm huyện Mường T đã tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T để bảo quản, quản lý vật chứng. Đến ngày 10/11/2023 thì có kết luận giám định số

03/KL-GĐ-NCLS của Viện nghiên cứu lâm sinh Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam. Việc xử lý số vật chứng như trên thuộc cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm, xét thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông), nghề nghiệp trồng trọt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ba con còn nhỏ, sinh sống ở xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho bị cáo Sùng A T.

[9]. Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Người đại diện theo pháp luật của bị hại là Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C (*có mặt tại phiên tòa*) và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (*vắng mặt tại phiên tòa*) không yêu cầu bị cáo Sùng A T phải bồi thường về trách nhiệm dân sự đối với giá trị rừng bị hủy hoại. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khách quan và căn cứ pháp lý để kết luận: Bị cáo Sùng A T đã phạm tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự; do vậy ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về: Tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; xử lý vật chứng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự; miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Sùng A T là phù hợp, có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Đối với đề nghị của kiểm sát viên về hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Sùng A T, Hội đồng xét xử nhận thấy là nghiêm khắc. Xét thấy: Tại phiên tòa, mặc dù không được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cho phép, trong thời gian khoảng tháng 02 năm 2023, tại lô 13, khoảnh 2, tiểu khu 108 thuộc địa phận xã Mù C, huyện Mường Tè, tỉnh Lai C. Sùng A T đã tự ý dùng dao quắm, cưa máy chặt phá trái phép diện tích 5.250m² rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C là chủ sở hữu và quản lý, số lâm sản bị thiệt hại là 18,340m³ gỗ và 9,350m³ củi tận thu và 1.817 cây tre, nứa là (*loại cây cỏ, cây dây leo và các cây gỗ thông thường từ nhóm VI đến nhóm VIII*) có giá trị là 235.299.000 đồng. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C xét xử bị cáo Sùng A T về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, có căn cứ và đúng pháp luật.

[11.1]. Xét hình phạt đối với bị cáo Sùng A T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa thì bị cáo Sùng A T có tình tiết giảm nhẹ. *Thứ nhất:* Khi sự việc xảy ra thì bị cáo cũng đã thành khẩn nhận lỗi và hợp tác tích cực với các cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, chính quyền địa phương

xã Mù C và cơ quan điều tra Công an huyện Mường T trong quá trình giải quyết vụ án. *Thứ hai:* Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ tại điểm s “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo Sùng A T.

[11.2.]. Ngoài ra bị cáo Sùng A T là người dân tộc thiểu số (*dân tộc Mông*), vợ, chồng đều làm nghề nông, trồng trọt. Môi trường sống và canh tác cùng với tri thức bản địa của người dân tộc Mông chủ yếu là làm nương rẫy trên đồi núi, đất dốc để tạo ra các sản phẩm lương thực phục vụ cho nhu cầu đời sống, không có mục đích nào khác ngoài mục đích là do muốn có đất để trồng lúa nương. Nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 03 con còn nhỏ, sinh sống ở xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Hiện tại trên diện tích thực vật rừng bao gồm cây thân gỗ đã phục hồi. Đại diện theo pháp luật của bị hại là Ủy ban nhân dân xã Mù C, huyện Mường T cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Trong quá trình điều tra, truy tố, ông Sà Á L trưởng bản Phìn K đại diện bị hại (*đại diện cộng đồng bản Phìn K, xã Mù C, huyện Mường T, tỉnh Lai C*) cũng không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì liên quan đến diện tích rừng bị hủy hoại và cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường sinh thái do hành vi hủy hoại rừng của bị cáo Sùng A T gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo Sùng A T.

[11.3.]. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khách quan và căn cứ pháp lý để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Sùng A T là có cơ sở, so với hình phạt (*từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng*) tù của kiểm sát viên đề nghị. Do vậy khi nghị án Hội đồng xét xử quyết định giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo Sùng A T (*trong khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù quy định tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự*), dưới mức hình phạt mà kiểm sát viên đề nghị như trên. Thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước đối với người đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đối với đồng bào là người dân tộc thiểu số (*dân tộc Mông*) nói riêng, sinh sống ở xã Tà T, huyện Mường T, tỉnh Lai C là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Cũng đủ thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội và gia đình.

[12]. Đối với Giàng A L. Khi cho bị cáo Sùng A T mượn cưa máy, Giàng A L không biết bị cáo Sùng A T dùng cưa để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên Giàng A L không đồng phạm với bị cáo Sùng A T. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C không truy tố Giàng A L. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo: Sùng A T phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

- Căn cứ vào Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Sùng A T: 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự: Không áp dụng đối với bị cáo Sùng A T.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+. Tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao găm dài 70cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 35cm, rộng 05cm, cán dao làm bằng gỗ dài 35cm.

+. Đối với: 01 cửa máy mà Sùng A T mượn của Giàng A L, đây là vật chứng của một vụ án khác, đã bị cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+. Đối với: 18,340m³ gỗ; 9,350m³ củi tận thu và 1.817 cây tre, nứa, thuộc loại thực vật rừng (*bao gồm hỗn giao tre, nứa và cây gỗ tự nhiên*) thu giữ, do Sùng A T chặt, phá. Việc xử lý số vật chứng như trên thuộc cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về phần dân sự: Người đại diện theo pháp luật của bị hại và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo Sùng A T bồi thường về trách nhiệm dân sự. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A T.

- Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo; người đại diện theo pháp luật của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, hoặc kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện M.Tè;
- Công an huyện M.Tè;
- Cơ quan THAHS Công an huyện M.Tè;
- Trại giam; Chi cục THADS huyện M.Tè;
- Bị cáo;
- Người đại diện của bị hại;
- Người đại diện của người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lò Xuân Hải

